

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-PT

Ngày: 26-7-2022.

V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Đức Dũng

Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quảng Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLPT- DS, ngày 05 tháng 05 năm 2022, về việc " *Tranh chấp quyền sử dụng đất* ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 11/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 67/2022/QĐPT-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị C, sinh năm 1948.

Địa chỉ: xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh K, sinh năm 1989, địa chỉ: Xã N1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 01 năm 2021.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn bà Trương Thị C là Luật sư Trương Quang T1, sinh năm 1950, được Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước – thuộc Sở Tư Pháp tỉnh Quảng Ngãi cử bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại Quyết định số 380/QĐ-TGPL ngày 02/12/2020.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Thôn N2, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Mai Văn Đ, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn N2, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Văn Đ: Ông Nguyễn Thanh K, sinh năm 1989, địa chỉ: Xã N1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 01 năm 2021.

3.2. Bà Lê Thị Thu Đ1, sinh năm 1981;

3.3. Chị Mai Thị Ánh T3, sinh năm 1987;

3.4. Chị Mai Thị Thanh T4, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: Bà Trương Thị C là nguyên đơn

Tại phiên tòa: Bà C, ông Đ, ông T5 Luật sư có mặt; anh K, bà T2, chị T3, chị T4, bà Đ1 vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2020; đơn sửa đổi, bổ sung ngày 14/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trương Thị C và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Mai Văn B3 là chồng của nguyên đơn Trương Thị C; em chồng của nguyên đơn là Mai Văn C2, vợ của ông C2 là bà Huỳnh Thị T2.

Về nguồn gốc đất:

Thửa đất số 980, tờ bản đồ số 3, diện tích 520m² được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01825QSDĐ/1-132 ngày 23/10/1998 cho hộ ông Mai Văn B3. Đến ngày 31/12/2014, thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo số liệu đo đạc của dự án VLAP thì thửa đất này được đo đạc thành thửa đất số 105, tờ bản đồ số 26, diện tích 476,8m² và được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 678067, sổ vào sổ: CH 01753 mang tên hộ bà Trương Thị C (do lúc này ông Mai Văn B3 đã chết).

Thửa đất số 979, tờ bản đồ số 3, diện tích 420m² được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00654QSDĐ/1-054 ngày 21/10/1997 cho hộ bà Huỳnh Thị T2. Đến ngày 31/12/2014, thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo số liệu đo đạc của dự án VLAP thì thửa đất này được đo đạc thành thửa đất số 106, tờ bản đồ số 26, diện tích 365,2m² và được UBND huyện N

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 678616, sổ vào sổ: CH 02301 mang tên hộ bà Huỳnh Thị T2.

Trong quá trình thực hiện bản đồ theo dự án VLAP, các đơn vị liên quan đã không đo đạc và lấy số liệu chính xác mốc ranh giới giữa hai thửa đất số 980 và 979 dẫn đến hai thửa đất được đo đạc mới là thửa đất số 105 và 106 đã không thể hiện đúng chính xác mốc ranh giới quyền sử dụng đất của hai gia đình. Theo đó, nguyên đơn đã tiến hành khởi kiện và được TAND huyện N thụ lý theo Thông báo thụ lý vụ án số 42/TB-TLVA ngày 02/10/2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” với các yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc bà Huỳnh Thị T2 phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của nguyên đơn là $\{(0,99m + 1,11m) : 2\} \times 32,73m = 34,37m^2$. Có giá trị $100.000 \text{ đồng}/m^2 \times 34,37m = 3.437.000 \text{ đồng}$.

Tháo dỡ 12 trụ bê tông và lưới B40. Trả lại mặt bằng cho nguyên đơn.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Huỳnh Thị T2 tại thửa đất số 106, diện tích $365,2m^2$, tờ bản đồ số 26 xã H, sổ vào sổ CH 02301 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2014.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Trương Thị C tại thửa đất số 105, diện tích $476,8m^2$, tờ bản đồ số 26 xã H, sổ vào sổ CH 01753 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2014.

Do tại thời Đ1 khởi kiện, việc xác định diện tích bị lấn chiếm là bằng thủ công nên không được chính xác. Theo đó, nguyên đơn xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện về diện tích đất (từ $34,37m^2$ đổi thành $26,16m^2$) mà hộ bà Huỳnh Thị T2 đã lấn chiếm của nguyên đơn cho phù hợp với nội dung Biên bản làm việc tại buổi đo vẽ, xem xét, thẩm định tại chỗ hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất ngày 21/01/2021 và Sơ đồ địa chính thửa đất được Công ty A lập ngày 27/01/2021.

Nay, yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc bà Huỳnh Thị T2 phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của nguyên đơn là $26,16m^2$ có hình dáng, kích thước theo Sơ đồ địa chính thửa đất được Công ty A lập ngày 27/01/2021. Có giá trị $100.000 \text{ đồng}/m^2 \times 26,16m^2 = 2.616.000 \text{ đồng}$.

+ Buộc bà Huỳnh Thị T2 tháo dỡ 12 trụ bê tông và lưới B40 trên diện tích đất lấn chiếm. Trả lại mặt bằng cho nguyên đơn.

Rút yêu cầu:

+ Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Huỳnh Thị T2 tại thửa đất số 106, diện tích $365,2m^2$, tờ bản đồ số 26 xã H, sổ vào sổ CH 02301 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2014.

+ Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Trương Thị C tại thửa đất số 105, diện tích $476,8m^2$, tờ bản đồ số 26 xã H, sổ vào sổ CH 01753 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2014.

Bị đơn bà Huỳnh Thị T2 trình bày:

Về nguồn gốc đất bà thống nhất như nguyên đơn đã trình bày.

Quá trình sử dụng đất giữa bị đơn và nguyên đơn có xảy ra tranh chấp, Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DSST, ngày 05/9/2019 của TAND huyện N đã xử: “Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị T2, buộc bị đơn là bà Trương Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Mai Văn Đ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị T2 tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 26, diện tích 365,2m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 02301 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 31/7/2014, địa chỉ thửa đất: thôn Ngọc Dạ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi”.

Bản án sơ thẩm bị kháng cáo, Bản án dân sự phúc thẩm số: 04/2020/DS-PT, ngày 05/3/2020 của TAND tỉnh Quảng Ngãi sửa một phần bản án sơ thẩm và Cơ quan Thi hành án huyện N đã thi hành theo bản án phúc thẩm xác định đúng ranh giới hai thửa đất.

Bị đơn công nhận Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất ngày 21/01/2021 và Sơ đồ địa chính thửa đất được Công ty A lập ngày 27/01/2021; đồng ý giá đất tại vị trí tranh chấp có đơn giá 100.000đồng/m².

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của bà C là 26,16m² có hình dáng, kích thước theo Sơ đồ địa chính thửa đất được Công ty A lập ngày 27/01/2021.

Không đồng ý tháo dỡ 12 trụ bê tông và lưới B40.

Không đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình bị đơn tại thửa đất số 106, diện tích 365,2m², tờ bản đồ số 26 xã H, số vào sổ CH 02301 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2014.

Việc nguyên đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Trương Thị C tại thửa đất số 105, diện tích 476,8m², tờ bản đồ số 26 xã H, số vào sổ CH 01753 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2014, việc này không liên quan đến bị đơn nên không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn ông Mai Văn Đ trình bày:

Thống nhất như trình bày và yêu cầu của nguyên đơn: Yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Lê Thị Thu Đ1 (vợ ông Đ) trình bày không liên quan, không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn chị Mai Thị Thanh T4; chị Mai Thị Ánh T3 trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của bị đơn, yêu cầu Tòa án bác tất cả yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 11/3/2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 467/2022/QĐ-SCBSBA ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, quyết định:*

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 26,16m² thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 26 xã H cũng như yêu cầu tháo dỡ 12 trụ bê tông và lưới B40, trả lại mặt bằng cho nguyên đơn.

(Có sơ đồ kèm theo).

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu:

Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Huỳnh Thị T2 tại thửa đất số 106, diện tích 365,2m², tờ bản đồ số 26 xã H, sổ vào sổ CH 02301 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2014.

Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Trương Thị C tại thửa đất số 105, diện tích 476,8m², tờ bản đồ số 26 xã H, sổ vào sổ CH 01753 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2014.

3. Chi phí thẩm định tại chỗ 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) nguyên đơn chịu và đã nộp tạm ứng xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Trương Thị C tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0004633, ngày 28/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

**Ngày 21 tháng 3 năm 2022, bà Trương Thị C là nguyên đơn trong vụ án có đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo:* Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Trương Thị C tại phiên tòa phúc thẩm: Bản án sơ thẩm xử không đúng pháp luật, ranh giới giữa hai thửa đất là một đường thẳng, khi thực hiện dự án Vlap đơn vị đo đạc xác định không đúng ranh giới, các cây trên ranh giới do bà C trồng, nhưng bà T2 nói đất của bà T2 là không đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà C, sửa bản án dân sự sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về buộc bị đơn trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 26,16m²; yêu cầu tháo dỡ 12

trụ bê tông và lưới B40, trả lại mặt bằng cho nguyên đơn. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trương Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Thanh K, bà Huỳnh Thị T2, chị Mai Thị Thanh T4, chị Mai Thị Ánh T3, bà Lê Thị Thu Đ1 vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K, bà T2, chị T4, chị T3, bà Đ1.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị C:

[2.1] Nguyên đơn bà Trương Thị C khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng 26,16m² đất với bà Huỳnh Thị T2. Bà C cho rằng bà Huỳnh Thị T2 đã lấn chiếm 26,16m² đất của bà. Bà C nộp kèm theo Đơn khởi kiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01825QSDĐ/1-132 ngày 23/10/1998, UBND huyện N cấp cho hộ ông Mai Văn B3 (chồng bà C), thửa đất số 980, tờ bản đồ số 3, diện tích 520m², xã H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 678067, số vào sổ: CH 01753, UBND huyện N cấp ngày 31/12/2014, thửa đất số 105, tờ bản đồ số 26, diện tích 476,8m² cho hộ bà Trương Thị C.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà C xác nhận khi thực hiện Dự án Vlap thửa đất 980 được biến động thành thửa đất số 105. Như vậy sau khi đo đạc cấp đổi Giấy chứng nhận, diện tích thửa đất 980 đã giảm 44,2m². Năm 2014, UBND huyện N chỉ công nhận quyền sử dụng 476,8m² đất, không còn công nhận quyền sử dụng 520m² đất cho hộ gia đình bà C. Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01825QSDĐ/1-132 ngày 23/10/1998 không còn tồn tại vì đã bị thu hồi theo quy định tại Đ1 b khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013. Đồng thời, qua xem xét Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01825QSDĐ/1-132 ngày 23/10/1998 (bút lục 36), UBND huyện N có đóng dấu " *Đo đạc tạm thời*", như vậy diện tích 520m² đất được ghi trong Giấy chứng nhận năm 1998 chỉ là số liệu đo đạc tạm thời, chưa chính xác.

[2.3] Căn cứ diện tích đất 476,8m² hộ bà C được UBND huyện N công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 678067, số vào sổ: CH 01753 ngày 31/12/2014, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà C.

[2.3.1] Theo kết quả đo đạc ngày 27/01/2021 (bút lục 115), thửa đất 105 có 478,44m² đất, như vậy nhiều hơn 1,64m² so với diện tích hộ bà C được UBND huyện N công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 678067, số vào sổ: CH 01753 ngày 31/12/2014.

Chiều ngang của thửa đất cạnh phía Nam giáp đường bê tông 11,06m, tăng hơn số liệu trong giấy chứng nhận 0,53m; chiều ngang cạnh phía Bắc của thửa đất 17,17m, tăng 0,47m so với số liệu trong giấy chứng nhận.

Với số liệu đo đạc thực tế ngày 21/01/2021, diện tích đất hộ bà C đang quản lý, sử dụng tăng hơn với diện tích đất hộ bà C được Nhà nước công nhận quyền sử dụng năm 2014. Như vậy, diện tích đất thửa 105 của hộ bà C không bị thiếu, nên không có cơ sở để cho rằng bà T2 lấn chiếm 26,16m² đất của bà C.

[2.3.2] Mặt khác, năm 2018 giữa bà Huỳnh Thị T2 và Trương Thị C có mâu thuẫn về ranh giới giữa hai thửa đất 105 (của bà C) và thửa đất 106 (của bà T2), tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DSST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện N và Bản án dân sự phúc thẩm số 04/2020/DSPT ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, đã quyết định "*Buộc bị đơn bà Trương Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Mai Văn Đ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị T2 tại thửa đất 106, tờ bản đồ số 26, diện tích 365,2m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH02301 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 31/12/2014, địa chỉ thửa đất: Xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi*". Ngày 08/9/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện N đã tổ chức thi hành án (bút lục 257 đến 261) có kéo lưới B40 chôn trụ bê tông làm T2 rào ngăn cách giữa hai thửa đất thửa đất 105 (của bà C) và thửa đất 106 (của bà T2). Ngày 30/5/2022, UBND xã H cung cấp thông tin tại văn bản số 96/UBND, nội dung "*Kể từ ngày 08/9/2020, cơ quan thi hành án huyện N phối hợp cùng UBND xã H cắm mốc ranh giới và gia đình bà Huỳnh Thị T2 đã chôn trụ bê tông kéo lưới kẽm B40. Sau đó ông Mai Văn Đ là con bà Trương Thị C đã làm hư hỏng 04 trụ rào, cụ thể: Có 02 trụ bị đập bể nửa trụ phần trên và ló cốt sắt bên trong, 01 trụ nhỏ lên nằm tại chỗ, 01 trụ bị nghiêng lệch qua một bên. Đối với phần lưới kẽm B40 bị siêu vẹo nhưng vẫn còn bám theo trụ bê tông, hiện tại có nhiều dây leo tự nhiên bò bao phủ. Tuy nhiên, ranh giới ngăn cách thửa đất 106, tờ bản đồ số 26 và thửa đất số 105, tờ bản đồ số 26 xã H vẫn không xê dịch so với Bản án số 04/2020/DSST ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi*", như vậy ranh giới giữa hai thửa đất đã được phân định cụ thể bằng quyết định tại hai bản án, số 10/2019/DSST ngày 05/9/2019 và số 04/2020/DSPT ngày 05/3/2020 của Tòa án và quyết định của cơ quan Thi hành án dân sự, nên không có cơ sở để cho rằng bà T2 lấn chiếm 26,16m² đất của bà C.

[2.3.3] Khoản 1 Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định "*Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*". Như vậy, theo quy định của pháp luật thì kể từ ngày 05/03/2020, ngày bản án dân sự phúc thẩm số 04/2020/DSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có hiệu lực pháp luật và ngày 08/9/2020 Chi cục Thi hành án dân sự huyện N tổ chức thi hành bản án, thì ranh giới giữa hai thửa đất số 105 và 106, tờ bản đồ số 26, xã H, huyện N đã được xác định "*theo quyết định của cơ quan*

Nhà nước có thẩm quyền", nên không có căn cứ để cho rằng bà T2 đã lấn chiếm 26,16m² đất của bà C.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C yêu cầu ngừng phiên tòa để trưng cầu giám định chữ ký của bà T2 trong "*Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất*" tại hồ sơ năm 2013 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 105 vì bà C cho rằng chữ ký trong "*Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất*" không phải là của bà T2. Hội đồng xét xử thấy năm 2015, bà C nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 678067, số vào sổ: CH 01753 ngày 31/12/2014, nhưng từ khi nhận giấy chứng nhận cho đến trước ngày 12/8/2020, ngày bà C khởi kiện vụ án này tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà C không khiếu nại hay khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận mà UBND huyện N cấp ngày 31/12/2014 cho hộ gia đình bà. Hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 678067 là căn cứ xác lập quyền sử dụng thửa đất 105 cho hộ bà C và trên cơ sở Giấy chứng nhận này bà C khởi kiện bà T2. Như vậy, việc giám định chữ ký của bà T2 là không cần thiết.

[3.1] Ngoài ra, tại Tòa án cấp sơ thẩm bà C rút yêu cầu khởi kiện về việc hủy 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 105, thửa 106 tờ bản đồ số 26, xã H. Bà C không kháng cáo việc Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên phần quyết định này tại bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật. Bản án số 01/2022/DS-ST ngày 11/03/2022 của Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết "*tranh chấp quyền sử dụng đất*" giữa bà C với bà T2, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét thủ tục hành chính cấp giấy chứng nhận thửa 105 năm 2013 của bà C. Căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, về phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét thủ tục hành chính cấp giấy chứng nhận năm 2013 của bà C đúng hay sai, nên yêu cầu ngừng phiên tòa của bà C không được chấp nhận.

[3.2] Mặt khác, yêu cầu giám định chữ ký của bà T2 trong "*Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất*" tại hồ sơ năm 2013 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 105, không chứng minh được việc bà T2 đã lấn chiếm đất của bà C, vì như nhận định tại mục [2.3.1], thửa 105 không thiếu đất, cạnh phía Bắc và cạnh phía Nam đều thừa. Đồng thời, đây là bản mô tả ranh giới thửa đất 105 của bà C, không phải là của thửa 106 của bà T2. Nên căn cứ Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu ngừng phiên tòa để giám định chữ ký của bà T2 trong "*Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất*" tại hồ sơ năm 2013 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 105.

[4] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Với những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là đúng quy định pháp luật, do đó quyết định không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị C, giữ nguyên bản án dân

sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 11/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị C là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, căn cứ Đ1 khoản 1 Điều 12 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trương Thị C.

[7] Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trương Thị C không đúng quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 17, Điều 166, Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 11/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị C về buộc bị đơn bà Huỳnh Thị T2 phải trả lại 26,16m² đất và yêu cầu tháo dỡ 12 trụ bê tông và lưới B40, trả lại mặt bằng cho bà Trương Thị C.

Có sơ đồ địa chính ranh giới giữa thửa đất số 105 và 106, tờ bản đồ số 26, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, đính kèm theo bản án và là một bộ phận không tách rời bản án dân sự phúc thẩm.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu:

Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Huỳnh Thị T2 tại thửa đất số 106, diện tích 365,2m², tờ bản đồ số 26 xã H, số vào sổ CH 02301 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2014.

Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Trương Thị C tại thửa đất số 105, diện tích 476,8m², tờ bản đồ số 26 xã H, số vào sổ CH 01753 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2014.

3. Chi phí thẩm định tại chỗ 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) nguyên đơn bà Trương Thị C phải chịu. Bà C đã nộp và đã chi phí xong.

4. Về án phí dân sự

- Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trương Thị C số tiền bà đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004633, ngày 28/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

- Án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trương Thị C.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện N;
- Chi Cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương